

Số: 3228 /CT-TTHT  
V/v Trả lời chính sách thuế

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Sakata Việt Nam  
(Địa chỉ: Lô 45HH05 Khu đô thị mới Việt Hưng, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội; MST: 0108151195)

Trả lời công văn số 18023/CV-SVN ngày 24/12/2018 của Công ty TNHH Sakata Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) đề nghị hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân cho nhân viên phái cử từ công ty mẹ, Cục Thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại Điều 1 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014) quy định về người nộp thuế:

*"...Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:*

*Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;*

*Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để được thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo Hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa hai quốc gia*

*Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập..."*

+ Tại điểm a, b Khoản 2 Điều 2 quy định thu nhập chịu thuế từ tiền công tiền lương

*"2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công*

*a) Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công dưới các hình thức bằng tiền hoặc không bằng tiền.*

*b) Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản phụ cấp, trợ cấp sau:*



*...Riêng trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được trừ theo mức ghi tại Hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể...”*

+ Tại tiết đ1, đ2, điểm đ, khoản 2, Điều 2 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Điều 11 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/07/2015 của Bộ Tài chính) hướng dẫn các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công:

*“...đ.1) Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), không bao gồm: khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động.*

*Trường hợp cá nhân ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao, tiền điện, nước và các dịch vụ khác tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích trụ sở làm việc.*

*Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả hộ tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.*

*đ.2) Khoản tiền do người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm; mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc đóng góp Quỹ hưu trí tự nguyện cho người lao động...”*

+ Tại Điều 7 quy định căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

*“Điều 7. Căn cứ tính thuế đối với thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công*

*Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập tính thuế và thuế suất, cụ thể như sau:*

*1. Thu nhập tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này trừ (-) các khoản giảm trừ sau:*

*a) Các khoản giảm trừ gia cảnh theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 9 Thông tư này.*

*b) Các khoản đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 9 Thông tư này...”*

+ Tại Khoản 2, Điều 8 quy định xác định thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

*“2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công*

*a) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền*

luong, tiền công mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này.

b) Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế.

Riêng thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản tiền phí mua sản phẩm bảo hiểm có tích lũy theo hướng dẫn tại điểm đ.2, khoản 2, Điều 2 Thông tư này là thời điểm doanh nghiệp bảo hiểm, công ty quản lý quỹ hưu trí tự nguyện trả tiền bảo hiểm... ”.

+ Tại điểm a, Khoản 2, Điều 9 quy định các khoản đóng bảo hiểm

“a) Các khoản đóng bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc”.

+ Tại điểm b, Khoản 2, Điều 9 quy định (đã được sửa đổi bổ sung bởi Điều 15, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/07/2015 của Bộ Tài chính) hướng dẫn các khoản đóng vào quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện:

“b) Các khoản đóng vào Quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Mức đóng vào quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện được trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá một (01) triệu đồng/tháng đối với người lao động tham gia các sản phẩm hưu trí tự nguyện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động đóng cho người lao động và cả số tiền do người lao động tự đóng (nếu có), kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ. Căn cứ xác định thu nhập được trừ là bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do quỹ hưu trí tự nguyện, doanh nghiệp bảo hiểm cấp...”

+ Tại điểm c, d, đ, Khoản 2, Điều 9 quy định về các khoản giảm trừ

“ Điều 9. Các khoản giảm trừ

...2. Giảm trừ đối với các khoản đóng bảo hiểm, Quỹ hưu trí tự nguyện

...e) Người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam là cá nhân cư trú nhưng làm việc tại nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân cư trú mang quốc tịch hoặc làm việc tương tự quy định của pháp luật Việt Nam như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác (nếu có) thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đó vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công khi tính thuế thu nhập cá nhân.

Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có tham gia đóng các khoản bảo hiểm nêu trên ở nước ngoài sẽ được tạm giảm trừ ngay vào thu nhập để khấu trừ thuế trong năm (nếu có chứng từ) và tính theo số chính thức nếu cá

*nhân thực hiện quyết toán thuế theo quy định. Trường hợp không có chứng từ để tạm giảm trừ trong năm thì sẽ giảm trừ một lần khi quyết toán thuế.*

*d) Khoản đóng góp bảo hiểm, đóng góp vào Quỹ hưu trí tự nguyện của năm nào được trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó.*

*đ) Chứng từ chứng minh đối với các khoản bảo hiểm được trừ nêu trên là bản chụp chứng từ thu tiền của tổ chức bảo hiểm hoặc xác nhận của tổ chức trả thu nhập về số tiền bảo hiểm đã khấu trừ, đã nộp (trường hợp tổ chức trả thu nhập nộp thay)."*

*+ Tại Điều 25 quy định về khai thuế và chứng từ khấu trừ thuế:*

*"1. Khấu trừ thuế*

*...b) Thu nhập từ tiền lương, tiền công*

*...b.3) Đối với cá nhân là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập căn cứ vào thời gian làm việc tại Việt Nam của người nộp thuế ghi trên Hợp đồng hoặc văn bản cử sang làm việc tại Việt Nam để tạm khấu trừ thuế theo Biểu lũy tiến từng phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam từ 183 ngày trong năm tính thuế) hoặc theo Biểu thuế toàn phần (đối với cá nhân có thời gian làm việc tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế)....*

*b.5) Số thuế phải khấu trừ đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này; của cá nhân không cư trú được xác định theo Điều 18 Thông tư này..."*

*+ Tại Khoản 2, Điều 26 quy định về khai thuế, quyết toán thuế:*

*"2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công.*

*a) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế bao gồm:*

*a.1) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam trả nhưng chưa thực hiện khấu trừ thuế thực hiện khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy.*

*a.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài thực hiện khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy.."*

*+ Tại điểm c, Khoản 2, Điều 26 (đã được sửa đổi bởi Điều 12 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) hướng dẫn về quyết toán thuế:*

*"c) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo, trừ các trường hợp sau:*

*c.1) Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau..."*

*+ Tại điểm d, đ, Khoản 2, Điều 26 quy định về ủy quyền quyết toán:*

*“d) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay trong các trường hợp sau:*

*d.1) Cá nhân chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên tại một đơn vị và thực tế đang làm việc ở đơn vị tại thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm.*

*...đ) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân trả thu nhập”.*

- Căn cứ Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn khai thuế đối với cá nhân không cư trú có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng nhận thu nhập ở nước ngoài như sau:

*“2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế*

*a) Nguyên tắc khai thuế*

*a.1) Cá nhân khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế là cá nhân sau đây:*

*- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam trả nhưng tổ chức này chưa thực hiện khấu trừ thuế;*

*- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài...”*

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế:

+ Tại Khoản 3 Điều 21 sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 16 như sau:

*“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16*

*“2. Khai thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế*

*a) Nguyên tắc khai thuế*

*a.1) Cá nhân khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế là cá nhân sau đây:*

*...- Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công do các tổ chức, cá nhân trả từ nước ngoài...*

*b) Hồ sơ khai thuế*

*b.1) Hồ sơ khai thuế quý*

*Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế quý trực tiếp với cơ quan thuế theo Tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.*

*b.2) Hồ sơ khai quyết toán*

*b.2.1) Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không thuộc trường hợp được ưu quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thuế thay thì khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo mẫu sau:*

*- Tờ khai quyết toán thuế mẫu số 02/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.*

*- Phụ lục mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC nếu có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.*

*- Bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ, đã tạm nộp trong năm, số thuế đã nộp ở nước ngoài (nếu có). Cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên bản chụp đó. Trường hợp tổ chức trả thu nhập không cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân do tổ chức trả thu nhập đã chấm dứt hoạt động thì cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu của ngành thuế để xem xét xử lý hồ sơ quyết toán thuế cho cá nhân mà không bắt buộc phải có chứng từ khấu trừ thuế.*

*Trường hợp, theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp Giấy chứng nhận khấu trừ thuế (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc bản chụp chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.*

*- Bản chụp các hoá đơn chứng từ chứng minh khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học (nếu có).*

*- Trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức Quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài phải có tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài."*

*Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp cá nhân người nước ngoài sang Việt Nam làm việc, đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú theo Luật Thuế TNCN thì:*

*- Về xác định thu nhập chịu thuế TNCN: Các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú bao gồm tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công; phụ cấp, trợ cấp, các khoản lợi ích bằng tiền và không bằng tiền (bao gồm cả phụ cấp gia đình) phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.*

*- Về các khoản giảm trừ: Đối với khoản bảo hiểm xã hội và các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Nhật Bản: Thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.*



- Về khấu trừ và kê khai thuế TNCN:

+ Trường hợp cá nhân cư trú phát sinh thu nhập từ tiền công, tiền lương do Công ty TNHH Sakata Việt Nam chi trả thì Công ty TNHH Sakata Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN, tổng hợp, kê khai nộp thuế TNCN vào Tờ khai tháng/ quý của Công ty theo mẫu 05/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp cá nhân cư trú có thu nhập tại Nhật Bản do Công ty mẹ tại Nhật Bản chi trả thì cá nhân cư trú có trách nhiệm kê khai phần thu nhập nhận được từ Nhật Bản theo quý trực tiếp với cơ quan thuế vào Tờ khai mẫu số 02/KK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Về Quyết toán thuế TNCN:

+ Trường hợp cá nhân cư trú chỉ có thu nhập từ tiền công, tiền lương do Công ty TNHH Sakata Việt Nam chi trả thì được ủy quyền cho Công ty TNHH Sakata Việt Nam quyết toán thay theo mẫu 02/UQ-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BTC nếu thuộc trường hợp phải quyết toán thuế TNCN.

+ Trường hợp cá nhân cư trú vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công do Công ty Việt Nam chi trả, vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công do Công ty mẹ tại Nhật Bản chi trả thì phải trực tiếp quyết toán thuế TNCN với Cục Thuế theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Về nội dung Công ty hỏi đối với trường hợp công ty mẹ tại Nhật Bản thay mặt Công ty TNHH Sakata Việt Nam chi trả cho người lao động sau đó Công ty TNHH Sakata Việt Nam hoàn trả lại Công ty mẹ, do tại Hợp đồng phái cử Công ty gửi kèm công văn hỏi không quy định nội dung này, đề nghị Công ty nghiên cứu quy định tại Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn để thực hiện.

Cục thuế TP Hà Nội thông báo để doanh nghiệp được biết và thực hiện

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTH(2). (6; 3)



**Mai Sơn**